

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về ban hành Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện), các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phân chia các khoản thu tiền chậm nộp

1. Hạn chế sử dụng nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau đối với khoản thu tiền chậm nộp cũng như giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn. Phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp gắn với cấp nào quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp đó.

2. Khoản thu tiền chậm nộp thuộc nguồn thu gốc được điều tiết cho cấp nào thì phân chia khoản thu tiền chậm nộp cho ngân sách cấp đó.

Điều 3. Nội dung phân chia nguồn thu tiền chậm nộp giữa các cấp ngân sách

1. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản và thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ);

b) Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu), thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước) và các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh quản lý;

c) Tiền chậm nộp thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước;

d) Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Tiền chậm nộp tiền cho thuê tài sản nhà nước;

e) Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp nhà nước của các đơn vị thuộc khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả các doanh nghiệp có số vốn đầu tư của nhà nước, đầu tư của nước ngoài chiếm tỷ lệ từ 50% trở xuống hoặc không còn phần vốn của nhà nước);

g) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện;

h) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý.

2. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp huyện hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Tiền chậm nộp từ các sắc thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ;

c) Tiền chậm nộp thu tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ;

d) Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đổi giấy phép do UBND tỉnh cấp;

đ) Tiền chậm nộp thu tiền sử dụng đất;

e) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất);

g) Tiền chậm nộp các khoản phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện;

h) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do các cơ quan nhà nước cấp huyện, thành phố quản lý.

3. Các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản;

b) Tiền chậm nộp từ thuế giá trị gia tăng của các cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;

c) Tiền chậm nộp thuế chuyên quyền sử dụng đất;

d) Tiền chậm nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

đ) Tiền chậm nộp lệ phí trước bạ nhà, đất;

e) Tiền chậm nộp các loại phí, lệ phí do cấp xã thực hiện;

g) Các khoản thu chậm nộp của các khoản thu khác còn lại do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và áp dụng trong thời kỳ ổn định ngân sách./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải